

TÁC ĐỘNG CỦA YẾU TỐ VỐN TÂM LÝ ĐẾN HIỆU SUẤT LÀM VIỆC CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Hoài Thu^{1*}, Nguyễn Văn Hiến¹

¹ Trường Đại học Tài chính - Marketing

* Tác giả liên hệ: Email: thu.nth@utschool.edu.vn

Ngày nhận bài: 05/11/2023

Ngày chấp nhận: 30/08/2023

Ngày đăng: 25/10/2023

DOI: 10.52932/jfm.vi5.353

Phục lục 1: Thang đo chính thức

Sự tự tin	Mã hóa
1. Tôi cảm thấy tự tin vào năng lực của mình trong việc phân tích và tìm ra giải pháp cho các vấn đề trong công việc	TT1
2. Tôi thấy tự tin khi trình bày ý tưởng công việc với lãnh đạo	TT2
3. Tôi thấy tự tin khi thảo luận công việc với đồng nghiệp	TT3
4. Tôi cảm thấy tự tin khi giảng dạy	TT4
5. Tôi tự tin vì tôi có kinh nghiệm chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm	TT5
Sự hy vọng	
1. Tôi luôn xây dựng các mục tiêu cụ thể cho công việc của mình	HV1
2. Tôi luôn cho rằng bất kỳ một vấn đề nào trong công việc cũng có nhiều cách để giải quyết	HV2
3. Tôi thấy mình là người có thể đạt được thành công trong công việc	HV3
4. Hiện tại, tôi đã đạt được các mục tiêu công việc mà tôi đặt ra	HV4
5. Với những nỗ lực của bản thân, tôi luôn mong chờ kết quả tốt đẹp có thể đạt được	HV5
Sự lạc quan	
1. Khi gặp khó khăn trong công việc, tôi luôn tin điều tốt đẹp sẽ đến	LQ1
2. Trong công việc, tôi luôn kỳ vọng mọi việc diễn ra theo ý mình	LQ2
3. Tôi luôn tin tưởng mọi việc tốt lành sẽ luôn đến với mình	LQ3
4. Tôi luôn nhìn thấy mặt tích cực trong mọi vấn đề gặp phải	LQ4
Sự vững vàng	
1. Khi tôi căng thẳng, tôi tự biết cách để giảm căng thẳng và lấy lại bình tĩnh	VV1
2. Tôi luôn đề phòng qua một bên để tiếp tục công việc	VV2
3. Tôi dễ dàng bắt kịp với những thay đổi của tổ chức	VV3
4. Tôi có thể vượt qua những thời điểm khó khăn trong công việc vì tôi đã từng trải qua trước đây	VV4
Hiệu suất làm việc	
1. Tôi được cấp trên đánh giá là người làm việc có hiệu quả	HS1
2. Tôi được đồng nghiệp đánh giá là người làm việc có hiệu quả	HS2
3. Tôi luôn hài lòng với chất lượng công việc tôi đã làm	HS3
4. Tôi cho rằng, sinh viên các lớp tôi dạy luôn hiểu và vận dụng được những kiến thức mà tôi truyền đạt	HS4

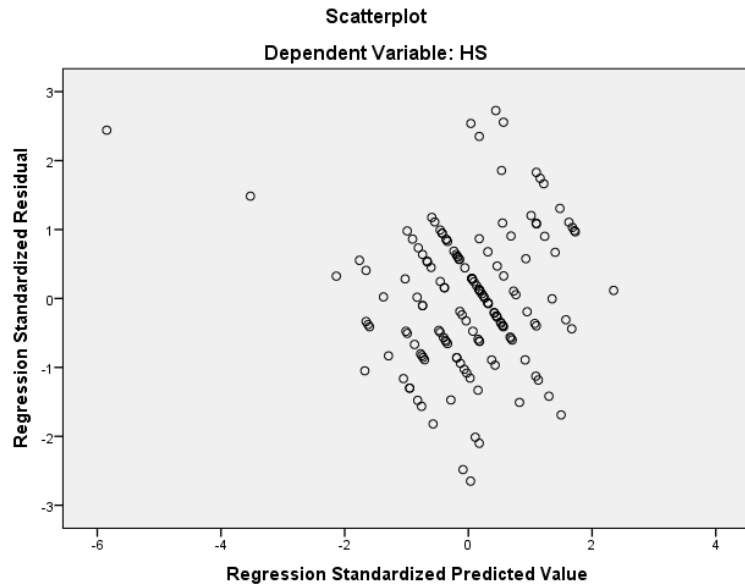
Phục lục 2. Thống kê mô tả thông tin mẫu khảo sát

	Biến	Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	57	38,0
	Nữ	93	62,0
Độ tuổi	25 – 30 tuổi	14	9,3
	31 – 35 tuổi	42	28,0
	36 – 40 tuổi	41	27,3
	41 – 45 tuổi	24	16,0
	Trên 45 tuổi	29	19,3
Trình độ học vấn	Thạc sĩ	115	76,7
	Tiến sĩ	29	19,3
	Khác	6	4,0
Số năm công tác	Từ 1 - 2 năm	12	8,0
	Từ 3 - 5 năm	23	15,3
	Trên 5 năm	115	76,7
Chuyên môn	Khoa học cơ bản	8	5,3
	Kỹ thuật – Công nghệ	29	19,3
	Kinh tế	85	56,7
	Xã hội và Nhân văn	21	14,0
	Lĩnh vực khác	7	4,7

(Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS)

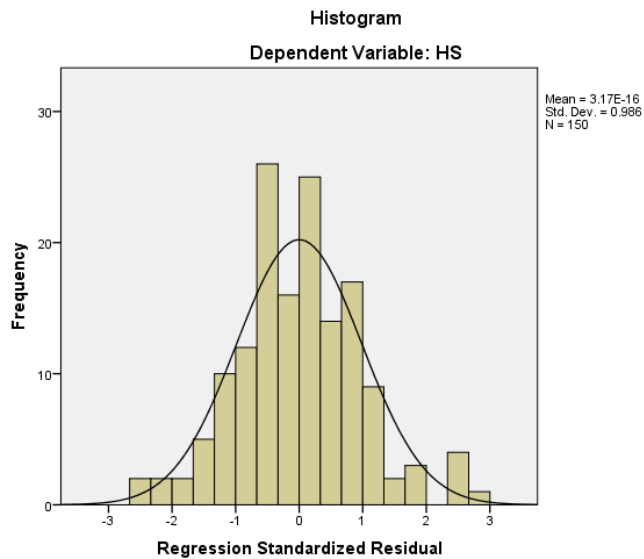
Phục lục 2. Kiểm tra các giả định của mô hình hồi quy**Kiểm tra giả định liên hệ tuyến tính**

Giả định cần kiểm tra là giả định liên hệ tuyến tính. Phương pháp được sử dụng là biểu đồ phân tán Scatterplot với phần dư chuẩn hóa (Standardized residual) trên trục tung và giá trị phần dư dự đoán (Standardized predicted value) trên trục hoành. Nhìn vào biểu đồ phân tán phần dư (hình 4.1) ta thấy các phần dư phân tán ngẫu nhiên trong 1 vùng quanh đường đi qua tung độ 0 mà không tạo thành một hình dạng cụ thể. Điều đó có nghĩa là giả thuyết về quan hệ tuyến tính không bị vi phạm. Như vậy, giả định liên hệ tuyến tính được thỏa mãn.



Hình 1. Biểu đồ phân tán phần dư

Kiểm tra giả định phần dư phân phối chuẩn



Hình 2: Biểu đồ Histogram

Quan sát biểu đồ tần số của phần dư chuẩn hóa (Hình 4.2) cho thấy phân phối chuẩn của phần dư xấp xỉ chuẩn Mean = -317E-16 (giá trị trung bình gần bằng 0) và độ lệch chuẩn Std. Dev = 0,986 (độ lệch chuẩn gần bằng 1). Do đó có thể kết luận giả thuyết phân phối chuẩn của phần dư không bị sai phạm.